



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI



TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC

2025

5350 CHỈ TIÊU

43 NGÀNH/ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRONG ĐÓ 02 CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Xét tuyển thẳng
2. Xét tuyển kết hợp kết quả học THPT và các điều kiện ưu tiên
3. Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025
4. Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá tư duy

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Đào tạo - Trường Đại học Thủy lợi (P.134 Nhà A4), số 175 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội

02435631537
<http://www.tlu.edu.vn>

Email: daotao@tlu.edu.vn
Fanpage: <https://www.facebook.com/daihocthuyloi1959>

Website



Fanpage



CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN NĂM 2025

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Chương trình	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
1	TLA101	Xây dựng và quản lí công trình thủy (<i>Kỹ thuật xây dựng công trình thủy</i>)	150	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
2	TLA104	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (<i>Kỹ thuật xây dựng</i>)	280	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
3	TLA111	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	210	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
4	TLA113	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>gồm các chương trình: Công nghệ và kỹ thuật xây dựng cầu, đường bộ; Công nghệ và kỹ thuật đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị</i>)	150	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
5	TLA114	Quản lí xây dựng	210	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
6	TLA102	Kỹ thuật tài nguyên nước	100	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
7	TLA107	Kỹ thuật cấp thoát nước	100	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
8	TLA110	Xây dựng và quản lí hạ tầng đô thị (<i>Kỹ thuật cơ sở hạ tầng</i>)	120	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
9	TLA103	Tài nguyên nước và môi trường (<i>Thủy văn học</i>)	80	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
10	TLA105	Kỹ thuật cơ khí	140	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
11	TLA122	Công nghệ chế tạo máy (<i>Công nghệ sản xuất tiên tiến, tự động hóa thiết kế cơ khí</i>)	100	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
12	TLA123	Kỹ thuật Ô tô	140	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
13	TLA120	Kỹ thuật cơ điện tử	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
14	TLA106	Công nghệ thông tin	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
15	TLA116	Hệ thống thông tin	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
16	TLA117	Kỹ thuật phần mềm	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
17	TLA126	Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
18	TLA127	An ninh mạng	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
19	TLA112	Kỹ thuật điện	180	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
20	TLA121	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
21	TLA124	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (<i>gồm các chương trình: Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ bán dẫn và thiết kế vi mạch</i>)	180	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
22	TLA128	Kỹ thuật Robot và Điều khiển thông minh	120	A00, A01, D01, D07, C01, X02, X06, X26, K00
23	TLA401	Kinh tế	130	A00, A01, D01, D07, X02, X26
24	TLA404	Kinh tế xây dựng	140	A00, A01, D01, D07, X02, X26
25	TLA407	Logistics và quản lí chuỗi cung ứng	140	A00, A01, D01, D07, X02, X26
26	TLA405	Thương mại điện tử	120	A00, A01, D01, D07, X02, X26
27	TLA410	Kinh tế số	70	A00, A01, D01, D07, X02, X26
28	TLA408	Tài chính - Ngân hàng	120	A00, A01, D01, D07, X02, X26
29	TLA412	Chương trình Công nghệ tài chính	60	A00, A01, D01, D07, X02, X26
30	TLA409	Kiểm toán	120	A00, A01, D01, D07, X02, X26
31	TLA402	Quản trị kinh doanh	150	A00, A01, D01, D07, X02, X26
32	TLA403	Kế toán	120	A00, A01, D01, D07, X02, X26
33	TLA411	Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế	60	A00, A01, D01, D07, X02, X26
34	TLA406	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	120	A01, D01, D07, D09, D10

CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN NĂM 2025

TT	Mã tuyển sinh	Tên ngành/Chương trình	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
35	TLA109	Kỹ thuật môi trường	120	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X10, K00
36	TLA119	Công nghệ sinh học	120	A02, B00, D08, B01, B02, B03, X13, X14, K00
37	TLA118	Kỹ thuật hóa học	120	A00, D07, C02, C05, B00, X09, X10, K00
38	TLA301	Luật	120	C00, C03, C04, D01, D14, D15, X01
39	TLA302	Luật kinh tế	120	C00, C03, C04, D01, D14, D15, X01
40	TLA204	Ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2</i>)	100	D01, D04, D45, D55, D63, X37
41	TLA203	Ngôn ngữ Anh (<i>Môn Tiếng Anh nhân hệ số 2</i>)	140	A01, D01, D07, D08, D09, D10, D14, D15, K00
42	TLA201	Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng (*)	30	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06
43	TLA202	Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật tài nguyên nước(**)	30	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X06

Ghi chú:

(*) Quản lý và xây dựng công trình (*Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng*) hợp tác với Đại học Arkansas – Hoa Kỳ

(**) Kỹ thuật và quản lý nước, môi trường (*Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật tài nguyên nước*) hợp tác với Đại học Bang Colorado – Hoa Kỳ.

TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

Mã tổ hợp	Danh sách môn	Mã tổ hợp	Danh sách môn
A00	Toán, Vật lí, Hóa học	D45	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung Quốc
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D55	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Trung Quốc
A02	Toán, Vật lí, Sinh học	D63	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung Quốc
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	B01	Toán, Lịch sử, Sinh học
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	B02	Toán, Địa lí, Sinh học
C01	Toán, Ngữ văn, Vật lí	B03	Toán, Ngữ văn, Sinh học
C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
C04	Toán, Ngữ văn, Địa lí	X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
C05	Ngữ văn, Vật lí, Hóa học	X14	Toán, Sinh học, Tin học
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	X06	Toán, Vật lí, Tin học
D04	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc	X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	X10	Toán, Hóa học, Tin học
D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh
D09	Toán, Tiếng Anh, Lịch sử	X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
D10	Toán, Tiếng Anh, Địa lí	X37	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Trung Quốc
D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	K00	Toán, Đọc hiểu, Tư duy khoa học/Giải quyết vấn đề
D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh		

THỜI GIAN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Thời gian đăng ký xét tuyển theo lịch và hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Riêng với thí sinh có nguyện vọng nộp hồ sơ ưu tiên cộng điểm và hồ sơ quy đổi điểm cần đăng ký và nộp hồ sơ như sau:

* Thí sinh đăng ký khai thông tin học tập THPT và các điều kiện ưu tiên trực tuyến trên hệ thống của Nhà trường app My TLU hoặc <http://dkxtdh.tlu.edu.vn>;

* Thời gian khai hồ sơ: từ ngày **20/05/2025** đến ngày **10/07/2025**

* Thời gian công bố kết quả điểm cộng ưu tiên: Dự kiến trước **17h00 ngày 15/7/2025**